TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 18-11-2021

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Hồng Năm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Thông

Ông Nguyễn Thế Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 311/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 07 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh Ng, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 702 đường 21/4, Khu phố 1, phường X , thành phố K, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

Chỗ ở: Tổ 7, ấp 2, xã B, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 702 đường 21/4, Khu phố 1, phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1954

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 2, xã B, thành phố K, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ng trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Minh Ng và ông Nguyễn Xuân B quen biết,tìm hiểu nhau được 01 năm thì tự nguyện kết hôn và được UBND phường, thị xã K (nay là thành phố K), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/7/2011. Trước đó bà Ng chưa kết hôn với ai. Sau khi kết hôn thì sống chung với gia đình bên chồng khoảng 4 năm, sau đó thì dọn ra ở riêng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc.Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2019 và bắt đầu ngày càng trầm trọng. Thời gian này, công việc của hai vợ chồng không được thuận lợi và do phải xây nhà nên chi tiêu sinh hoạt thiếu trước hụt sau.

Bà Ng có góp ý với ông B để ông B thay đổi công việc khác để cải thiện kinh tế gia đình nhưng ông B không đồng ý, mỗi lần vợ chồng nói chuyện công việc, tiền bạc thì thường xảy ra tranh cãi, xúc phạm nhau. Ngoài ra, ông B còn ghen tuông vô cớ, cho rằng bà Ng có quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài. Do vợ chồng thiếu tin tưởng, tôn trọng nhau và luôn bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, xúc phạm danh dự nhân phẩm nhau. Thậm chí, ông B đã dùng tay đánh bà Ng hai lần. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn và gia đình hai bên đã hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Từ đầu năm 2020 vợ chồng mặc dù sống chung nhà với nhau nhưng không quan tâm, chăm sóc nhau, không ăn chung, ngủ chung. Khi bà Ng nộp đơn khởi kiện ly hôn thì ông B đồng ý về việc chấm dứt quan hệ hôn nhân nên đã dọn về nhà cha mẹ ở địa chỉ số 702, đường 21/4, khu phố 1, phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai sinh sống. Nay bà Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên bà Ng yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Xuân B.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 27/5/2012 và Nguyễn Bảo N,sinh ngày 15/3/2015. Khi ly hôn bà Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo Tr và giao cháu Nam cho ông B nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

****** *Theo biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Xuân B trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Minh Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường X, thị xã K (nay là thành phố K), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/7/2011.

Quá trình sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau nên thường xảy ra cãi nhau. Ông nóng tính không kiềm chế được bản thân nên có đánh bà Ng. Từ năm 2020 vợ chồng sống chung nhà với nhau nhưng không quan tâm, chăm sóc nhau. Khi bà Ng nộp đơn ly hôn thì ông đã dọn về nhà mẹ sinh sống cho đến nay. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Tuy nhiên do ông theo đạo Thiên chúa nên không đồng ý thuận tình ly hôn được, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy

định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 27/5/2012 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/3/2015. Hiện cháu B Trân đang sống cùng bà Ng và gia đình ông bà ngoại; cháu Nguyễn Bảo N đang sống cùng ông B và gia đình bên nội. Khi ly hôn ông B đồng ý giao cháu Trân cho bà Ng nuôi dưỡng; ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nam. Không ai cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Về nợ chung: không có nợ.

** Theo bản tự khai của người làm chứng - bà Huỳnh Thị B trình bày:*

Bà là mẹ ruột của bà Ng, ông B là con rể của bà. Bà chung sống cùng nhà với bà Ng, ông B nên có biết được giữa bà Ng và ông B có nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2019. Vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi vã nhau, có lần ông B còn đánh bà Ng. Từ tháng 8/2021 đến nay, do mâu thuẫn nên ông B và bà Ng không còn sống chung với nhau nữa. Nay bà Ng có đơn xin ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ theo yêu cầu và theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ thu thập được:

+ Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu gia đình, Bản sao giấy khai sinh (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); bản tự khai.

+ Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Bản tự khai, chứng minh nhân dân (Bản phô tô).

+ Các chứng cứ do Tòa án thu thập được: Biên bản lấy lời khai của các đương sự tại Toà án; Biên bản xác minh tại Công an xã Bình Lộc.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:*

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Về thẩm quyền giải quyết: bà Nguyễn Thị Minh Ng xin ly hôn với ông Nguyễn Xuân B hiện cư trú tại: số 702, đường 21/4, khu phố 1, phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 BLTTDS năm 2015 vụ kiện thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố K.

+ Về quan hệ pháp luật: bà Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố K giải quyết cho ly hôn với ông B do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật "Ly hôn" là phù hợp.

+ Về tư cách tố tụng của đương sự trong vụ án: bà Ng có đơn khởi kiện ông B nên Tòa án xác định bà Ng là nguyên đơn, ông B là bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 09/7/2021 thụ lý vụ án. Đến ngày 09/7/2021, Tòa án nhân dân thành phố K ra thông báo về việc thụ lý. Ngày 29/10/2021, thẩm phán ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, ấn định thời gian mở phiên tòa vào sáng ngày 18/11/2021. Như vậy, vẫn đảm B thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

+ Về thụ lý vụ án: ngày 09/7/2021 Tòa án nhân dân thành phố K thụ lý vụ án và ban hành thông báo thụ lý, ngày 09/7/2021 gửi thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, ngày 09/7/2021 tống đạt thông báo cho bị đơn là đúng quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2021 đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự và mẫu số 47 Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của HĐTPTANDTC.

+ Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: đúng quy định tại khoản 2, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng: thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thủ tục tống đạt hợp lệ.

+Về việc xác minh, thu thập chứng cứ: Thẩm phán thực hiện đầy đủ và đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ng và bị đơn ông Nguyễn Xuân B đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 BLTTDS.

3. Ý kiến về giải quyết vụ án:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Minh Ng và ông Nguyễn Xuân B quen biết tìm hiểu nhau đến năm 2011 thì chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thị xã K, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố K) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 042 quyển số 01/2011, ngày 18/7/2011 của Ủy ban nhân dân phường X, đây là lần kết hôn đầu tiên của ông, bà. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Ng và ông B là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận và B vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn bà Nguyễn Thị Minh Ng: Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống yêu thương hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên từ khoảng năm 2019 đến nay, cuộc sống vợ chồng đã có nhiều thay đổi, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, nguyên nhân là do công việc của ông B không ổn định, thu nhập hàng tháng ít, không đủ chi phí trang trải trong gia đình, bà Ng khuyên nhủ ông B thay đổi công việc để nhằm có thu nhập cao hơn nhưng ông B không đồng ý vì cho rằng đã quen với công việc hiện tại đồng thời ông B còn ghen tuông vô cớ. Trong cuộc sống vợ chồng không còn sự quan tâm lẫn nhau, ông B có tính vũ phu đã nhiều lần đánh đập bà Ng, trong gia đình cuộc sống vợ chồng không còn vui vẻ với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ai muốn làm gì thì làm. Nay, bà Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, không thể hàn gắn nên bà Ng yêu cầu được ly hôn với ông B. Đồng thời ông B cũng thừa nhận cuộc sống

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không còn tin tưởng tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Do ông B nóng tính không kiềm chế được bản thân nên đã nhiều lần đánh bà Ng. Từ đó, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Ông B xác nhận tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Ng. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không ai muốn hòa giải, tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho bà Ng và ông B ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh năm 2012 cho bà Nguyễn Thị Minh Ng trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh năm 2015, cho ông Nguyễn Xuân B trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên: Áp dụng Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Minh Ng và ông Nguyễn Xuân B được ly hôn với nhau.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh năm 2012 cho bà Nguyễn Thị Minh Ng trưc tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh năm 2015, cho ông Nguyễn Xuân B trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: bà Nguyễn Thị Minh Ng phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: bà Nguyễn Thị Minh Ng có yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con với ông Nguyễn Xuân B nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng, thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Minh Ng có đơn khởi kiện đối với ông Nguyễn Xuân B vào ngày 09/07/2021 nên bà Ng được xác định là nguyên đơn, còn ông B là bị đơn. Ngày 29/10/2021 ông B và bà Ng có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Huỳnh Thị B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại hồ sơ nên Hội

đồng xét xử (HĐXX) vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung được quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông B.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Ng, HĐXX nhận định: Bà Nguyễn Thị Minh Ng và ông Nguyễn Xuân B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường X, thị xã K (nay là thành phố K), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/7/2011 nên là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật B hộ. Sau khi chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc tạo lập kinh tế gia đình, không tin tưởng, tôn trọng nhau trong tình cảm vợ chồng nên cuộc sống chung không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng đã không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Theo biên bản xác minh ngày 25/10/2021 tại Công an xã Bình Lộc, thành phố K đã xác định *"...bà Nguyễn Thị Minh Ng và ông Nguyễn Xuân B có sinh sống tại tổ 7, ấp 2, xã Bình Lộc, thành phố K, tỉnh Đồng Nai cùng với bà Huỳnh Thị B và hai con chung. Đầu năm 2021, Công an xã Bình Lộc có nhận được đơn trình báo của bà Ng về việc bị ông B đánh đập. Công an có mời ông B ra làm việc, viết cam kết và hòa giải cho hai vợ chồng.."*. Đồng thời ông B cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có và không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Hiện tại, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung vợ chồng. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Ng và ông B đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Ng yêu cầu xin ly hôn với ông B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên chấp nhận.

[4] Về con chung : Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 27/5/2012 và cháu NGuyễn Bảo N sinh ngày 15/3/2015. Khi ly hôn bà Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc B Trân và giao cho ông B được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Bảo N. Xét yêu cầu nuôi con của bà Ng nhận thấy: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì hiện nay cháu Trân đang sống cùng với bà Ng; cháu Nam đang sống với ông B và nguyện vọng của cháu Trân là được sống với mẹ. Do đó, để đảm B điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần cho con trẻ nên yêu cầu của bà Ng là phù hợp cần chấp nhận. Tiếp tục giao cháu Trân cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành; giao cháu Nam cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Tạm thời bà Ng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Ng không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: bà Nguyễn Thị Minh Ng phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0008644 ngày 06/07/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố K.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ng.

- Bà Nguyễn Thị Minh Ng được ly hôn với ông Nguyễn Xuân B.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc B Trân, sinh ngày 27/5/2012 cho bà Nguyễn Thị Minh Ng được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành; Giao cháu Nguyễn B Nam, sinh ngày 15/3/2015 cho ông Nguyễn Xuân B được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Bà Ng và ông B được quyền qua lại,thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Tạm thời ông B, bà Ng không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai do các bên không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh Ng phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu số 0008644 ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Đồng Nai

- Về quyền kháng cáo: Bà Ng, ông B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự

(đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Đồng Nai
- VKSND tp. K;
- Chi cục THADS tp. K;
- UBND P.X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phí Thị Hồng Năm